

KỈ YẾU HỘI THẢO QUỐC GIA



VĂN CHƯƠNG XỨ HUẾ
TRONG TIẾN TRÌNH VĂN HỌC VIỆT NAM
ĐẦU THẾ KỈ XX

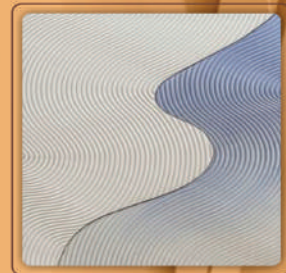
KỈ YẾU
HỘI THẢO QUỐC GIA

VĂN CHƯƠNG XỨ HUẾ
TRONG TIẾN TRÌNH VĂN HỌC VIỆT NAM
ĐẦU THẾ KỈ XX

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC

KỈ YẾU HỘI THẢO QUỐC GIA
VĂN CHƯƠNG XỨ HUẾ
TRONG TIẾN TRÌNH VĂN HỌC VIỆT NAM
ĐẦU THẾ KỈ XX



Thành phố Huế, tháng 6.2022

12. Nguyễn Phương Thảo	190
<i>Biểu tượng lãng mạn xứ Huế trong văn du ký nửa đầu thế kỷ XX</i>	
13. Lê Nhật Ký	210
<i>Đặc điểm thơ viết về sông Hương thời kỳ 1900 – 1945</i>	
14. La Nguyệt Anh – Hoàng Điệp	222
<i>Xứ Huế qua thơ Nam Trân</i>	
15. Nguyễn Thị Thu Trang	231
<i>Huế trong thơ Huế giai đoạn nửa đầu thế kỷ XX</i>	
16. Phan Trần Thanh Tú	246
<i>Tiểu thuyết “Cô Tư Hồng” của Đào Trinh Nhất dưới cái nhìn văn hóa</i>	
17. Phan Nguyễn Phước Tiên	259
<i>Cảm thức nơi chôn trong thơ Huế nửa đầu thế kỷ XX</i>	
18. Trần Văn Toàn – Phạm Tuấn Vũ	276
<i>Huế đầu thế kỷ XX qua thơ văn Huỳnh Thúc Kháng</i>	
19. Nguyễn Văn Tổng	286
<i>Mối quan hệ giữa người kể chuyện và tác giả trong tập truyện ngắn “Quê mẹ” của Thanh Tịnh</i>	
20. Phan Trọng Hoàng Linh	299
<i>Phê bình văn học của Trần Thanh Mại nhìn từ trường hợp nghiên cứu Trần Tế Xương</i>	
21. Bùi Văn Quảng	315
<i>Huế trong thơ Ứng Bình Thúc Giạ Thị</i>	
22. Đinh Thị Thanh Mai – Trần Thị Ái Nhi – Nguyễn Ngọc Phi	330
<i>Xứ Huế trong thi ca chữ Hán của thiền sư Viên Thành</i>	
23. Hồ Tiểu Ngọc – Lê Thanh Ngân	347
<i>Tôn Nữ Thu Hồng và những ngọn “sóng thơ”</i>	
24. Đặng Thị Ngọc Phượng	361
<i>Văn xuôi xứ Huế đầu thế kỷ XX – Nhìn từ đội ngũ sáng tác</i>	

PHÊ BÌNH VĂN HỌC CỦA TRẦN THANH MẠI NHÌN TỪ TRƯỜNG HỢP NGHIÊN CỨU TRẦN TẾ XƯƠNG

*Phan Trọng Hoàng Linh**

1. Đặt vấn đề

Trần Thanh Mại (1908 – 1965) quê ở làng Tiên Nộn, xã Phú Mậu, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế. Ông thuộc lớp người đặt nền móng cho phê bình văn học hiện đại Việt Nam vào những thập niên đầu thế kỷ XX. Sự nghiệp nghiên cứu, phê bình của ông thường được chia thành hai giai đoạn: trước 1945 với các công trình như *Trông giòng sông Vị* (1935), *Hàn Mạc Tử* (1941), *Đời văn* (hai tập, 1942); và sau 1945 với các công trình như *Tìm hiểu và phân tích truyện cổ tích Việt Nam* (hai tập, 1956 – 1957), *Đấu tranh chống hai quan niệm sai lầm về Tú Xương* (1957), *Tú Xương, con người và nhà thơ* (viết cùng Trần Tuấn Lộ, 1961),... Các nhà nghiên cứu đã tiến hành nhận diện phương pháp phê bình và đóng góp của Trần Thanh Mại, tuy nhiên vẫn còn nhiều điểm chưa đồng thuận, một số điểm còn bị bỏ ngỏ. Trong bài viết này, chúng tôi góp thêm một cách đọc các văn bản phê bình văn học của Trần Thanh Mại, tập trung ở sự vận động trong phong cách phê bình của ông qua cụm công trình nghiên cứu Trần Tế Xương. Tất nhiên, cụm công trình ấy chỉ là trục chính; khi cần thiết, người viết có thể mở rộng sự đối chiếu ra một số công trình tiêu biểu khác của cùng tác giả.

* TS., Trường Đại học Khoa học Huế

2. Nội dung nghiên cứu

Giai đoạn trước 1945, mặc dù Trần Thanh Mại tự xác định hai cuốn sách quan trọng nhất của mình, *Trông giòng sông Vị* và *Hàn Mạc Tử*, là những tác phẩm phê bình văn học, không phải ai trong giới nghiên cứu đương thời lẫn các thế hệ sau cũng thừa nhận giá trị khoa học của chúng. Vũ Ngọc Phan trong cuốn *Nhà văn hiện đại* (tập 3, 1943) xếp Trần Thanh Mại vào “những nhà viết lịch sử ký sự và truyện ký”, tức khu vực sáng tác, chứ nhất định không đặt ông vào nhóm “các nhà phê bình và khảo cứu” của Thiều Sơn, Trương Chính và Hoài Thanh. Các tác giả của *Từ điển văn học* (bộ mới, 2004) cũng cho rằng, đối với các công trình của Trần Thanh Mại xuất bản trước 1945, “rất khó xác định rạch ròi chúng là công trình nghiên cứu hay là sách danh nhân”, và đóng góp của ông trong lĩnh vực phê bình “chủ yếu thuộc về những công trình sau cách mạng”⁽¹⁾. Ở đối cực khác, trong cuốn *Phê bình văn học – thế hệ 1932* (tập 2, 1973), Thanh Lãng phản đối gay gắt ý kiến của Vũ Ngọc Phan, khẳng định Trần Thanh Mại là nhà phê bình và xếp ông vào “trường phái phê bình khách quan”. Thanh Lãng kết luận: “Nhu vậy, nếu ta đã nói *Trông giòng sông Vị* (1935) là một thí nghiệm thất bại, thì *Hàn Mạc Tử* (1941) là một nỗ lực đã đi đến thành công”⁽²⁾. Một cách thận trọng hơn, trong *Phê bình văn học – con vật lưỡng thể ấy* (2011), Đỗ Lai Thúy nhận xét Trần Thanh Mại, với tư cách một nhà phê bình, đã từ *Trông giòng sông Vị*, “một cuốn sách nửa phê bình nửa truyện ký”, để đến với *Hàn Mạc Tử*, “một tác phẩm tiêu biểu cho phê bình tiểu sử tại Việt Nam”⁽³⁾. Trong *Phê bình văn học Việt Nam hiện đại* (2011), Trịnh Bá Đĩnh cũng xếp Trần Thanh Mại vào “diễn ngôn phê bình khoa học”, cho dấu vẫn thừa nhận *Trông giòng sông Vị* “có hình thức thể loại

khá đặc biệt: nó giống như một truyện ký danh nhân”⁽⁴⁾.

Từ các nhận định nêu trên, có thể rút ra hai vấn đề: *Thứ nhất*, có điểm đáng lưu ý nào đó trong phong cách phê bình của Trần Thanh Mại khiến cho hai chuyên luận được xuất bản trước 1945 của ông, nhất là cuốn về Trần Tế Xương, không được nhìn nhận thuần chất khoa học. *Thứ hai*, cuốn *Trông giòng sông Vị* bị xem là thất bại, còn cuốn *Hàn Mạc Tử* là thành công, xuất sắc, là bước tiến lớn trong thực hành phương pháp. Dường như chính Trần Thanh Mại cũng ý thức về hạn chế của *Trông giòng sông Vị*, bằng chứng là ông đã quay lại với Trần Tế Xương trong hai cuốn sách nữa ở giai đoạn sau 1945. Chúng tôi sẽ lần lượt đi vào từng vấn đề.

Trước Cách mạng tháng Tám, bên cạnh tư cách nhà phê bình, Trần Thanh Mại còn được biết đến với tư cách cây bút văn xuôi qua các tác phẩm: *Ngon gió rừng* (1932), *Tuy Lý Vương* (1938) và *Ngô Vương Quyền* (1944). Có vẻ ông xem đây là một thế mạnh có thể phát huy trong các công trình phê bình khi tiếp cận tác gia văn học từ góc độ tiểu sử. Ở chuyên luận đầu tiên, *Trông giòng sông Vị*, thao tác phê bình được ông tiến hành theo trình tự sau:

Bước một, sưu tầm thông tin tiểu sử về Tú Xương và hoàn cảnh ra đời của mỗi tác phẩm;

Bước hai, trên cơ sở thông tin đã có, tận dụng năng lực hư cấu của nhà phê bình để hình dung ra các khía cạnh quan trọng làm nên diện mạo tác giả;

Bước ba, chân dung tác giả sẽ trở thành bộ khung để nhà phê bình khớp nối toàn bộ sự nghiệp thơ văn vào một hệ thống, vừa tạo nên cái nhìn tổng thể, vừa giúp hiểu chính xác từng tác phẩm.

Nhiều nhà nghiên cứu như Kiều Thanh Quế, Thanh

Lãng, Đỗ Lai Thúy và Trịnh Bá Đĩnh đã xác định phương pháp phê bình của Trần Thanh Mại là lấy cuộc đời nhà thơ để cắt nghĩa thi phẩm. Thanh Lãng còn phân tích rất kỹ “phương pháp cắt nghĩa khách quan” của Trần Thanh Mại, song ông lờ đi yếu tố hư cấu trong văn bản phê bình. Thay vì sử dụng thông tin tiểu sử làm căn nguyên lý giải tác phẩm, Trần Thanh Mại lại thực hiện một công việc tương tự như trong các tác phẩm hư cấu lịch sử của ông: dựa vào những dữ kiện có thật để tưởng tượng nên một chân dung hoàn chỉnh. Điều này khiến cho bước hai và bước ba trong thao tác nghiên cứu thường xuyên bị chòng chéo, lẫn lộn, mâu thuẫn. Không phải lúc nào cũng từ cuộc đời để hiểu thơ, mà lắm khi thơ là dữ kiện minh họa cuộc đời. Một nghiên cứu hướng đến tính khoa học và khách quan lại được đặt cơ sở từ năng lực hư cấu chủ quan của nhà phê bình. Ngày nay, chúng ta đương nhiên không thể chấp nhận một phương pháp phê bình kết hợp hư cấu nghệ thuật như thế. Và một cách sòng phẳng, xếp Trần Thanh Mại giai đoạn trước 1945 vào phê bình khách quan, phê bình khoa học cũng chưa hợp lý. Đọc kỹ tác phẩm của ông thời này, chúng tôi nhận thấy dấu ấn đậm nét của phê bình ấn tượng, dấu hẳn nhiên, Trần Thanh Mại đã đi ngược lại kiểu phê bình ấn tượng của Hoài Thanh: nếu Hoài Thanh “lấy hồn tôi để hiểu hồn người”, tức xem ấn tượng của nhà phê bình trước tác phẩm là xuất phát điểm, thì Trần Thanh Mại cố gắng dựa trên tiểu sử để đứng vào vị trí nhà thơ, mở ra một hình dung giả lập về ấn tượng của chính nhà thơ khi tác phẩm chào đời. Không phải nhà phê bình chủ tâm muốn sáng tác một truyện ký danh nhân mà ông tin rằng việc làm đó cần thiết để hiểu đúng tác phẩm. Niềm tin ấy vẫn phần nào được lưu giữ dù cho sau 1945,

phương pháp phê bình của ông đã được thay đổi rất nhiều. Nhà nghiên cứu Nguyễn Huệ Chi từng kể một kỷ niệm về Trần Thanh Mại trong chuyến đi Côn Sơn, quê hương Nguyễn Trãi:

“Chiều đến, trên con đường đất đỏ khá dài dẫn xuống núi để ra chỗ đỗ ô tô, tôi tình cờ đi gần Trần Thanh Mại. Ông bước đăm chiêu, chậm rãi. Tôi tưởng ông rất mệt. Nhưng bỗng ông gọi tôi và nói: “Tôi nghĩ ra rồi”. Tôi đang ngạc nhiên thì ông nói tiếp liền theo: “Đúng là trong hoàn cảnh vắng vẻ, u tịch của Côn Sơn, ta mới hiểu được bài thơ *nôm Tích cảnh*, số X, trong *Quốc âm thi tập* của Nguyễn Trãi. Bài đó không phải là “ngôn chí”, cũng không phải “tiếc cảnh” hay khuyên răn đạo đức chi hết cả. Đó chỉ là bài thơ da diết nhớ vợ mà thôi. Nhớ Nguyễn Thị Lộ đấy mà”⁽⁵⁾.

Đứng trong không gian tác giả từng sinh sống để phục hiện những ấn tượng và cảm xúc của tác giả trong khoảnh khắc sáng tạo, đó là một trong những cách thức làm nên phong cách phê bình Trần Thanh Mại. Mặc dù ông thật lòng muốn tìm kiếm một căn cứ khách quan nhằm đạt đến những giá trị khoa học, lối phê bình ấy lại quá dễ sa vào chủ quan, suy diễn. Xét ra, nó cũng không khách quan, khoa học hơn mấy so với lối phê bình ấn tượng của Hoài Thanh. Đỗ Lai Thúy phần nào có lý khi xếp *Trông giòng sông Vị* vào truyện ký danh nhân, còn *Hàn Mạc Tử* vào phê bình tiểu sử, cho dấu về phương pháp, cả hai chuyên luận đều tiếp cận đối tượng từ góc độ tiểu sử. Giữa định hướng phương pháp của nhà phê bình với thực tế thành phẩm nghiên cứu không phải lúc nào cũng đồng nhất. Ở đây, chúng tôi muốn nhắc đến cách Đỗ Lai Thúy lý giải khuyết điểm của *Trông giòng sông Vị*. Theo Đỗ Lai Thúy, chịu ảnh hưởng tinh thần khoa học

phương Tây, nhưng phê bình tiểu sử ở Việt Nam có gốc rễ bản địa từ “phê điểm trung đại”. Truyền thống “thi dĩ ngôn chí” và quan niệm con người là sản phẩm của giáo dục Nho giáo khiến cho các nhà phê điểm trung đại chú ý đến tiểu sử tác giả như ngọn nguồn để tìm hiểu tác phẩm. Vì thế, khi phê bình tiểu sử ra đời, các yếu tố thân thế, tiểu truyện, tự ngôn, giai thoại của phê điểm trung đại lập tức tự ráp vào phê bình tiểu sử như một bộ phận hữu cơ. Ông viết: “Và, cũng bởi thế, mà phê bình tiểu sử Việt Nam, ở cái *thuở ban đầu lưu luyến ấy*, còn rất nặng nợ với truyện ký danh nhân. Hay nói cách khác, phê bình tiểu sử của ta hình như “đi lên” từ truyện ký danh nhân. Có thể thấy rõ điều này ở trường hợp Trần Thanh Mại”⁽⁶⁾.

Đỗ Lai Thúy có chiều hướng lý giải sự hiện diện của yếu tố truyện ký trong các công trình của Trần Thanh Mại từ sự hình thành của phương pháp phê bình tiểu sử gắn với truyền thống phê bình văn học Việt Nam thời trung đại. Từ *Trông giòng sông Vị* đến *Hàn Mặc Tử*, nhờ sự nhuần nhuyễn, cải tiến trong việc thực hành phương pháp mà Trần Thanh Mại đã chạm đến thành tựu ở chuyên luận thứ hai. Chúng tôi lại thấy, xét trong phong cách phê bình khá đặc dị của Trần Thanh Mại, bên cạnh khả năng làm chủ phương pháp, có một nhân tố quan trọng khác, là điều kiện cốt yếu khiến cho chuyên luận về Hàn Mặc Tử được đánh giá cao hơn chuyên luận về Trần Tế Xương.

Cần khẳng định ngay rằng, *Trông giòng sông Vị* và *Hàn Mặc Tử* hoàn toàn giống nhau về bản chất phương pháp. Vậy điều gì đã quyết định sự thất bại hay thành công của hai chuyên luận được viết cách nhau sáu năm?

Trông dòng sông Vị có tất cả 16 mục (94 trang)⁽⁷⁾, trong đó

số mục kể chuyện đời tư nặng tính hư cấu chiếm 3/4. 4 mục bàn về văn chương Trần Tế Xương chỉ chiếm 26 trang, lại nằm co cụm từ mục 9 đến mục 12. Giữa các mục kể chuyện đời tư và các mục phê bình văn chương gần như không có mối liên hệ. Thơ được dẫn rất dày trong các mục kể chuyện, nhưng sự kết nối thể hiện chủ yếu ở chỗ, hoặc thơ minh họa cho câu chuyện (mà câu chuyện thì nhằm nổi rõ một phẩm chất, một tính cách của nhà thơ), hoặc câu chuyện làm bật lên được tình huống mà thơ xuất hiện. Trần Thanh Mại quan niệm đây là cách để hiểu đúng tác phẩm (Thanh Lãng cũng tán thành với quan niệm này), nhưng khổ nỗi Trần Thanh Mại lại không từ tình huống ra đời để trình bày sự cắt nghĩa tác phẩm, mà tiếp tục miên man qua những mẫu chuyện khác (đúng như nhận xét của Vũ Ngọc Phan). Từ góc độ phê bình, đây không thể là thao tác của phê bình tiểu sử hiện đại mà gần hơn với một công trình thi thoại thời trung đại. Thậm chí, với một tác phẩm đỉnh cao như *Tùy Viên thi thoại* của Viên Mai sống vào thời nhà Thanh ở Trung Quốc, chúng ta thấy, lồng trong mỗi câu chuyện được kể, dung lượng và giá trị của những ý kiến luận bàn về thơ ca còn nhiều và nặng hơn. Nếu chỉ với *Trông giòng sông Vị*, Vũ Ngọc Phan có quyền xếp Trần Thanh Mại vào nhóm tác giả truyện ký; song, Trần Thanh Mại giai đoạn trước 1945 còn có *Hàn Mạc Tử*.

Cuốn *Hàn Mạc Tử* gồm 22 mục (159 trang), trong đó kể chuyện đời tư chiếm 14 mục, còn 8 mục phê bình văn chương (56 trang, khoảng 1/3). Điểm tích cực đầu tiên cần nói đến là các mục phê bình văn chương dù vẫn chiếm tỉ lệ nhỏ nhưng đã được phân bố xen kẽ khá đồng đều giữa các mục kể chuyện đời tư, nhờ đó tính hướng đích của phê bình

tiểu sử được biểu hiện rõ ràng: mỗi khía cạnh cuộc đời Hàn Mạc Tử như bệnh tật, tôn giáo hay tình yêu soi chiếu vào một phương diện cụ thể trong thế giới thơ; sự hấp dẫn của các trang viết khắc họa chân dung bổ trợ hiệu quả cho việc giải mã tác phẩm. Có thể thấy, Trần Thanh Mại có ý thức cải tạo thao tác tiếp cận đối tượng, dù bản chất phương pháp không thay đổi. Điều chỉnh phương pháp phê bình đương nhiên có vai trò quan trọng đối với giá trị của kết quả nghiên cứu, song theo chúng tôi, đây chưa phải là điểm trọng yếu làm nên sự khác biệt giữa *Hàn Mạc Tử* và *Trông dòng sông Vị*. Thứ quyết định sự thành công hay thất bại của phong cách phê bình Trần Thanh Mại (tạo dựng chân dung kết hợp phê bình tiểu sử) là chính bản thân đối tượng nghiên cứu: Hàn Mạc Tử và Trần Tế Xương. Vũ Ngọc Phan rất tinh ý khi nhận xét: “Quyển *Hàn Mạc Tử* trội hơn hẳn quyển *Trông giòng sông Vị*, nếu ta đem so sánh nó với quyển này, mà trội hơn **nhờ ở những tài liệu rất dồi dào** (PTHL nhấn mạnh), làm cho người đọc ham mê về truyện”⁽⁸⁾.

Đúng là dữ liệu về Hàn Mạc Tử của Trần Thanh Mại phong phú và thuyết phục hơn hẳn dữ liệu về Tú Xương. Nguyên nhân rất đơn giản, *Trông giòng sông Vị* được viết sau ngày mất của Tú Xương gần ba thập kỷ, còn *Hàn Mạc Tử* được viết chỉ một năm sau ngày mất của thi nhân. Tú Xương là tiền nhân, Hàn Mạc Tử là đương thời. Thơ ca Tú Xương được lưu truyền trong ký ức của gia đình, bạn bè và những người hâm mộ thơ ông, chủ yếu tập trung ở vùng Nam Định quê hương nhà thơ. Thơ ca Hàn Mạc Tử thì đã được xuất bản, hay ít nhất cũng lưu trữ giấy trắng mực đen. Cuộc đời Tú Xương khá phức tạp về phương diện nhân cách xã hội; nguồn khai thác thông tin là gia phả, là lời kể của người thân

và những người quen biết còn sống, nhiều khi mang đến những cái nhìn trái ngược. Tâm sự của Hàn Mặc Tử có thể phức tạp, nhưng gương mặt xã hội lại tương đối nhất quán, “hiền lành”; anh em Trần Thanh Mai – Trần Thanh Địch có mối quan hệ thân thiết với nhà thơ; một lượng lớn thư từ của Hàn Mặc Tử vẫn còn được nhiều người gìn giữ. Nói chung, cuộc đời Tú Xương hiện lên qua các thông tin tiểu sử là khá đại thể, một số chỗ còn nhiều loạn, khó soi chiếu để thấu hiểu tác phẩm. Nếu nhà phê bình vẫn cưỡng cầu phục dựng chân dung hoàn chỉnh, ông ta buộc phải sa vào chủ quan, suy diễn. Chân dung Tú Xương trong mắt Trần Thanh Mai quả thật đã chủ quan và suy diễn đến mức hư cấu. Độc giả đến với *Trông dòng sông Vị* để thưởng ngoạn một giả tưởng thú vị và phóng khoáng về Tú Xương hơn là tiếp xúc với hệ thống luận điểm khoa học. Điều đó giải thích vì sao cuốn sách giành được thiện cảm của nhiều nhà văn, nhà thơ. Lựa chọn phương pháp không phù hợp với đối tượng, Trần Thanh Mai đã biến công trình nghiên cứu đầu tay trở thành một sáng tạo nghệ thuật. Với Hàn Mặc Tử thì ngược lại, Trần Thanh Mai có đủ điều kiện tốt nhất để thực hành phê bình theo phương pháp của ông. Yếu tố hư cấu trong ngôi bút khắc họa chân dung vẫn còn, nhưng đã được tiết chế. Sự khả tín trong mối liên kết giữa cuộc đời với văn chương vì vậy mà tăng cao, trở thành bệ đỡ cho những ý tưởng thăng hoa và tinh tế của ngôi bút phê bình. Ai đó có thể vẫn chỉ ra những hạn chế của *Hàn Mặc Tử*, nhưng những hạn chế đó phần lớn bắt nguồn từ chính giới hạn của phương pháp phê bình tiểu sử; còn gói gọn trong khả năng gợi mở của một phương pháp, Trần Thanh Mai đã đi rất xa.

Muốn khắc phục những hạn chế trong nghiên cứu

trường hợp Tú Xương, Trần Thanh Mại cần đến một sự thay đổi ở cấp độ phương pháp. Sự thay đổi ấy đã được thực hiện trong hai công trình xuất bản giai đoạn sau 1945. Năm 1957, ông công bố cuốn *Đấu tranh chống hai quan niệm sai lầm về Tú Xương*, vốn là bài nói của Trần Thanh Mại tại lễ kỷ niệm 50 năm ngày Tú Xương qua đời, do Hội Văn nghệ Việt Nam tổ chức ở Hà Nội. Đến năm 1961, nghiên cứu về Tú Xương được ông tiếp tục nâng cấp và hoàn thiện để xuất bản thành cuốn *Tú Xương, con người và nhà thơ* (viết chung với con trai ông là Trần Tuấn Lộ). Chúng ta sẽ tập trung vào cuốn thứ hai. Nhân tố tiên quyết ảnh hưởng đến sự lựa chọn phương pháp của Trần Thanh Mại thời kỳ này: “Chúng ta có Đảng, có giai cấp công nhân lãnh đạo, có nguyên lý chủ nghĩa Mác-Lênin làm kim chỉ nam”⁽⁹⁾. Từ phê bình tiểu sử, ông đến với phê bình xã hội học Marxist – Leninist. Hãy nhìn vào bố cục của cuốn sách:

Lời nói đầu

I. Tình hình lịch sử thời Tú Xương

II. Đời sống của Tú Xương

III. Nội dung thơ văn của Tú Xương

IV. Nghệ thuật Tú Xương

V. Kết luận

Thơ văn của Tú Xương (có hiệu đính và chú thích)

Cuốn sách được chia thành hai phần, phần đầu là chuyên luận về tác giả Tú Xương (160 trang) và phần sau là hợp tuyển thơ văn Tú Xương (163 trang), cho thấy công phu và tâm huyết cả đời của Trần Thanh Mại.

Điểm khác biệt trước hết, với *Trông giòng sông Vị*, bối cảnh thời đại của Tú Xương chỉ được lược tả ở các đoạn mở đầu, chú trọng vào một vài không gian điểm, nhằm

dựng nên khung cảnh truyện kể, thì với *Tú Xương, con người và nhà thơ*, bối cảnh thời đại được trình bày khái quát, chuẩn mực theo văn phong khoa học đi tuần tự vào tình hình lịch sử và cơ cấu xã hội.

Trên bức tranh khái quát của xã hội Việt Nam trong một giai đoạn lịch sử xác định, nhà phê bình đi vào con người Tú Xương, cụ thể ở đây là con người xã hội. Toàn bộ thành tựu của phê bình tiểu sử giai đoạn trước được kế thừa cho mục thứ hai. Cũng trên điểm tựa của nguồn gốc xuất thân, quan hệ bạn bè, hành trình thi cử, tình trạng nghèo túng, người vợ tảo tần và lối sống buông thả, nhưng không giữ nguyên tác dụng biểu lộ *tính cách* mà bẻ hướng vào *thành phần giai cấp, quan điểm chính trị* và *sự chuyển biến tư tưởng* của tác giả. Yếu tố hư cấu hoàn toàn bị cắt bỏ. Trần Thanh Mại có ý thức công khai và duy trì tính khách quan cho các câu chuyện được kể qua việc dẫn nguồn từ gia phả họ Trần, ký ức con cháu hay lời các cụ cùng thời. Tú Xương sinh ra trong một gia đình có truyền thống yêu nước nồng nàn. Lớn lên, kết giao nhiều loại người, nhưng ông đặc biệt kính trọng tình bạn với các chí sĩ cách mạng như Phan Bội Châu, Nguyễn Thượng Hiền, Tăng Bạt Hổ và Đặng Tử Kính. Tình trạng nghèo túng là lựa chọn có chủ ý biểu hiện thái độ bất hợp tác xã hội, không bán rẻ lương tâm làm tay sai cho thực dân, phong kiến. Người vợ lam lũ là chỗ dựa để ông duy trì cuộc sống kinh tế ngày một khó khăn. Hành động thi đi thi lại nhiều lần cho thấy mâu thuẫn tư tưởng xuất phát từ thành phần giai cấp nhà nho tiểu tư sản hóa, mà lại là tầng lớp tiểu tư sản thành thị. Càng về cuối đời, cuộc đấu tranh tư tưởng gay go, gian khổ ngày càng đưa ông đến gần với con đường tiến bộ cách mạng, tiếc là kết quả chưa thành thì ông mất sớm vì cảm lạnh. Cần đấu

tranh chống quan niệm sai lầm, mà Trần Thanh Mại thú nhận chính mình cũng từng mắc phải, rằng Tú Xương là kẻ ăn chơi trụy lạc, vô trách nhiệm với gia đình. Đó là luận điệu xuyên tạc sự thật lịch sử nhằm mục đích nô dịch nhân dân ta của những cơ quan tay sai cho thực dân đế quốc như *Đông Dương tạp chí*, *Trung Bắc tân văn*, *Nam Phong tạp chí*,... Những bài thơ tự nói về thú ăn chơi của Tú Xương nên được hiểu là nói đùa mua vui trong nhóm anh em bạn bè hằng ngày. Thơ trào phúng của Tú Xương không phải chửi đồng vì cay cú thì rớt mà là vũ khí tố cáo hiện thực. Tóm lại, trong mắt Trần Thanh Mại, Tú Xương là con người khí tiết, ưu thời mẫn thế, đứng về phía quảng đại quần chúng nhân dân lao động nghèo khổ. Điểm yếu trong lập trường giai cấp, quan điểm chính trị của ông có tính lịch sử vì thời ấy chưa có Đảng và giai cấp công nhân lãnh đạo, chưa có chủ nghĩa Marx – Lenin dẫn đường.

Hai mục đầu là cơ sở để tiến vào hai mục trọng tâm bàn về nội dung và hình thức của thơ văn Tú Xương. Giá trị nội dung được quy chiếu từ phản ánh luận: phản ánh chân thực đời sống tinh thần của nhà thơ, nhất là những chuyển biến tư tưởng; và phản ánh trung thành cái nhìn của nhân dân về xã hội Việt Nam những năm bản lề thế kỷ XIX và XX, nhất là các phong trào vận động cách mạng. Trần Thanh Mại chỉ ra sự tác động hai chiều: phong trào đấu tranh quần chúng ảnh hưởng, cảm hóa lập trường tư tưởng của nhà thơ; và văn chương trào phúng của nhà thơ trở thành vũ khí đắc lực cho quần chúng cách mạng. Giá trị hình thức được xem xét từ hiệu quả của nghệ thuật phản ánh hiện thực. Đóng góp lớn nhất của *Tú Xương, con người và nhà thơ* so với *Trông giò*

sông Vị chính là ở mục này. Cuốn chuyên luận xuất bản năm 1935 ít nói về văn chương, mà những chỗ nói về văn chương thì đúng như nhận xét của Trịnh Bá Đĩnh, hầu hết chỉ đề cập nội dung. Đến với cuốn sách thứ ba về Tú Xương, ta thấy được một lối trình bày khoa học với bố cục có lớp lang chặt chẽ. Trần Thanh Mại chia hình thức nghệ thuật của thơ văn Tú Xương thành hai phương diện: ứng với nội dung phản ánh đời sống tư tưởng của nhà thơ là nghệ thuật trữ tình và ứng với nội dung phản ánh cái nhìn của nhân dân là nghệ thuật trào phúng. Các khía cạnh của hai phương diện hình thức được nhà phê bình đi lần lượt vào lối tả cảnh, lối diễn đạt tình cảm chân thật, khả năng phản ánh ngôn ngữ của xã hội và thời đại, nghệ thuật nói lái và chơi chữ, sự phong phú của sắc thái tiếng cười, cách mở đầu và kết thúc thi phẩm,... Có thể tìm thấy trong những trang viết này nhiều phát hiện lý thú.

Tú Xương, con người và nhà thơ là bước tiến vượt bậc của Trần Thanh Mại so với *Trông giòng sông Vị*. Đây chắc chắn là một công trình khoa học chứ không còn nhập nhằng giữa nghiên cứu và sáng tác. Phê bình xã hội học là góc nhìn phù hợp để Trần Thanh Mại triển khai những vấn đề khoa học có chủ điểm, có tính hệ thống. Nhưng rất tiếc, ông vẫn rơi vào hạn chế của nhiều công trình phê bình văn học ở miền Bắc giai đoạn 1945 – 1975. Lấy chuẩn mực của văn học hiện thực xã hội chủ nghĩa với thói quen nâng cao quan điểm, chụp mũ chính trị để xử lý và định vị các hiện tượng văn học quá khứ, luận điểm nghiên cứu dễ trở nên khiên cưỡng, một chiều, mất đi cái nhìn lịch sử, cho dù nhà nghiên cứu có tâm niệm duy vật lịch sử thành kính đến đâu. Có cảm giác, vì quý trọng và đánh giá cao Tú Xương, nên bằng thiện ý của mình,

Trần Thanh Mại cố gò Tú Xương vào cái khuôn định sẵn của phương pháp hiện thực chủ nghĩa, của nội dung tư tưởng hệ và quan điểm giai cấp, chứng minh Tú Xương rất gần với phương pháp sáng tác ấy, gần với lập trường của tầng lớp cần lao, nhờ thế mà nâng cao tầm vóc của tác gia này. Không ít nhận định vốn khả thủ trong *Trông giòng sông Vị* (dù có thể chỉ xuất phát từ trực cảm mang tính chủ quan) đã bị thay đổi cho phù hợp với chuẩn mực mới. Hay như về lối sống của Trần Tế Xương, Trần Thanh Mại đã chuyển từ cái nhìn biện chứng chấp nhận sự phức tạp, đa diện trong nhân cách nhà thơ, điều mà ngày nay công chúng cảm thấy hết sức bình thường, thậm chí còn hấp dẫn, sang cái nhìn phiến diện với những lý lẽ bênh vực đôi chỗ khá ngô nghê. Công lao sưu tầm, chú giải và hiệu đính tác phẩm Tú Xương của Trần Thanh Mại cực kỳ đáng ghi nhận, nhưng cách ông sắp xếp thứ tự tác phẩm theo trục thời gian dựa trên sự cải thiện lập trường tư tưởng của Tú Xương dần về những năm tháng cuối đời lại rất thiếu sức thuyết phục. Nếu không có quá nhiều sự can thiệp từ bên ngoài của bối cảnh chính trị - xã hội, chúng tôi tin thành tựu của Trần Thanh Mại trong *Tú Xương, con người và nhà thơ* không phải chỉ dừng lại ngang đấy.

3. Kết luận

Trần Thanh Mại từng tiếp cận và để lại dấu ấn trên nhiều đối tượng nghiên cứu khác nhau, nhưng văn chương Trần Tế Xương là đối tượng duy nhất cho thấy sự vận động về phương pháp phê bình qua hai giai đoạn. Trước 1945, ông nỗ lực thể nghiệm phương pháp phê bình tiểu sử với chuyên

luận *Trông giòng sông Vị*, thế nhưng đó chưa phải một lối phê bình khách quan thuần túy, khi mà nhà phê bình kết hợp thao tác khoa học với kỹ thuật hư cấu nhằm tái tạo ấn tượng của nhà thơ trong giây phút tư tưởng và cảm xúc thăng hoa thành thi phẩm. Cuốn sách, vì vậy, thiên về tính hư cấu nghệ thuật hơn là tính khoa học khách quan. So sánh với một chuyên luận khác là *Hàn Mạc Tử*, chúng tôi cho rằng, giới hạn của công trình này đến từ bản thân đối tượng nghiên cứu. Muốn kiên trì đến cùng vẫn với đối tượng ấy, Trần Thanh Mại phải thay đổi phương pháp. Sau 1945, lựa chọn của ông là phê bình xã hội học với chuyên luận *Tú Xương, con người và nhà thơ*. Phương pháp xã hội học mở ra khả năng khắc phục nhiều hạn chế vốn có trước đây, nhưng đồng thời, vì đặc thù của hoàn cảnh chính trị - xã hội, cũng tạo nên những hạn chế mới. Giai đoạn đầu, thành công và thất bại của Trần Thanh Mại gắn với phẩm chất tiên phong của những con người háo hức xây dựng một nền phê bình văn học hiện đại, khoa học, khách quan. Giai đoạn sau, thành tựu và giới hạn của ông gắn liền với không gian sinh hoạt chung của giới học thuật miền Bắc. Trường hợp Trần Thanh Mại nghiên cứu Tú Xương có thể gợi ý cho chúng ta một số thức nhận về số phận lịch sử của phê bình văn học Việt Nam ở những bước ngoặt chuyển giao xã hội./.

Huế, 01-4-2022

(1) Xin xem Đỗ Đức Hiểu, Nguyễn Huệ Chi, Phùng Văn Tửu & Trần Hữu Tá (Chủ biên): *Từ điển văn học (bộ mới)*, Nxb Thế giới, Hà Nội, 2004, tr.1805.

(2) Xin xem Thanh Lãng: *Phê bình văn học – thế hệ 1932 (tập 2)*, Nxb Phong trào văn học, Sài Gòn, 1973, tr.311.

(3), (6) Xin xem Đỗ Lai Thúy: *Phê bình văn học – con vật lưỡng thể ấy*, Nxb Hội Nhà văn, Hà Nội, 2011, tr.116 và 115-116.

(4) Xin xem Trịnh Bá Đĩnh: *Phê bình văn học Việt Nam hiện đại*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 2011, tr.207.

(5) Xin xem Trần Thanh Mại: *Toàn tập (tập 3)*, Nxb Văn học, Hà Nội, 2004, tr.847.

(7) Số trang của các công trình được chúng tôi tính theo bộ *Toàn tập* của Trần Thanh Mại (Nxb Văn học, 2004).

(8) Xin xem Vũ Ngọc Phan: *Tác phẩm (tập 4)*, Nxb Hội Nhà văn, Hà Nội, 2000, tr.98.

(9) Xin xem Trần Thanh Mại: *Toàn tập (tập 2)*, Nxb Văn học, Hà Nội, 2004, tr.277.